

được chuyển tới ngày làm việc tiếp theo hoặc theo thỏa thuận giữa 2 bên. Trường hợp Bên cho vay và Bên vay thống nhất thay đổi lịch thu tiền của cụm dẫn đến thay đổi ngày trả cuối cùng tại hợp đồng tín dụng thì áp dụng ngày trả cuối cùng tại lịch thu tiền đã được hai Bên thống nhất.

5. Trong trường hợp Bên vay xin thanh toán trước hạn, Bên vay chấp nhận sẽ thanh toán phí trả nợ trước hạn, mức phí trả nợ trước hạn được căn cứ theo quy định của TYM tại thời điểm trả nợ trước hạn.
6. Nếu Khách hàng không trả được thì Ông/ Bà: là Người đồng vay vốn/Người bảo lãnh ký tên tại (một trong các văn bản) Đề nghị cấp hạn mức tín dụng/đề nghị giải ngân/phương án sử dụng vốn lần thứ nhất/đề xuất/phê duyệt giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và/hoặc Đề nghị giải ngân/phương án sử dụng vốn/đề xuất/phê duyệt giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, Đơn cam kết bảo lãnh/thẩm định bảo lãnh (nếu có), Giấy đăng ký nhận thông tin giải ngân vốn vay (nếu có), Đề nghị điều chỉnh hợp đồng tín dụng hạn mức (nếu có), Phụ lục hợp đồng tín dụng (nếu có) có trách nhiệm hoàn trả cho đến khi hết nợ.

Điều 6. Số dư tiết kiệm bắt buộc

1. Khách hàng cam kết đảm bảo tỷ lệ số dư tiết kiệm bắt buộc so với tổng mức vay của khách hàng theo quy định của TYM;

Điều 7. Cơ cấu thời gian trả nợ

1. Bên cho vay xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Bên vay theo quy định của TYM;

Điều 8. Chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn:

1. Bên vay đồng ý việc Bên cho vay chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Bên vay cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định trong Hợp đồng tín dụng/khế ước nhận nợ hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Bên vay phải trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn theo thông báo bằng văn bản của Bên cho vay về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Trường hợp Bên vay không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc bị thu hồi trước hạn thì Bên vay đồng ý việc Bên cho vay chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Bên vay không trả được nợ trước hạn và áp dụng lãi suất đối với Dư nợ gốc quá hạn theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc quy định của TYM tại từng thời điểm.
3. Khi chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn, Bên cho vay gửi thông báo bằng văn bản cho Bên vay (Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn).

Điều 9. Thu hồi và xử lý nợ

1. Nếu khách hàng hoặc Người đồng vay vốn/Người bảo lãnh vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào trong hợp đồng tín dụng hạn mức, Đề nghị cấp hạn mức tín dụng/đề nghị giải ngân/phương án sử dụng vốn lần thứ nhất/đề xuất/phê duyệt giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và/hoặc Đề nghị giải ngân/phương án sử dụng vốn/đề xuất/phê duyệt giải ngân kiêm khế ước nhận nợ thuộc hợp đồng tín dụng hoặc chậm trả vốn từ 10 ngày trở lên thì Bên cho vay được toàn quyền quyết định:
- a) Trích tiền từ bất kỳ khoản tiền tiết kiệm nào của khách hàng tại TYM để thu hồi toàn bộ dư nợ vốn chậm trả.
- b) Chuyển toàn bộ khoản dư nợ của khách hàng sang nợ quá hạn và thực hiện ngay mọi biện pháp thu hồi nợ phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Thứ tự thu nợ gốc, lãi được thực hiện như sau: Bên cho vay và Bên vay thỏa thuận về thứ tự thu nợ gốc, lãi tiền vay. Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, Bên cho vay thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau. Đối với khoản nợ vay có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, Bên cho vay thực hiện thu nợ theo thứ tự thu nợ gốc đã quá hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, thu nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả.
3. Bên cho vay được bán một phần hoặc toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng, Đề nghị cấp hạn mức tín dụng/đề nghị giải ngân/phương án sử dụng vốn lần thứ nhất/đề xuất/phê duyệt giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và/hoặc Đề nghị giải ngân/phương án sử dụng vốn/đề xuất/phê duyệt giải ngân kiêm khế ước nhận nợ thuộc hợp đồng tín dụng này cho tổ chức khác theo quy định của Pháp luật về mua, bán nợ mà không cần Bên vay đồng ý.

Điều 10. Thông báo thay đổi

1. Bên vay phải thông báo cho Bên cho vay trước ít nhất 3 (ba) ngày, kể từ ngày phát sinh các sự kiện:
- a) Bên vay thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc.
- b) Thay đổi mục đích vay vốn.
2. Bên vay phải thông báo cho Bên cho vay trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc, kể từ khi phát sinh các sự kiện sau:
- a) Khách hàng/Người đồng vay vốn/Người bảo lãnh chết, mất tích;
- b) Mất khả năng thanh toán hoặc có các sự kiện khác ảnh hưởng đến tình hình tài chính, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng;

Điều 11. Thỏa thuận khác

1. Bên vay chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác các tài liệu, thông tin liên quan đến khoản vay theo yêu cầu của Bên cho vay.
2. Bên cho vay được quyền yêu cầu Khách hàng/Người đồng vay vốn cung cấp toàn bộ các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh và thông tin cần thiết liên quan đến khoản vay. Đồng thời, Bên cho vay được quyền cung cấp các thông tin nêu trên và các thông tin khác có liên quan đến Khách hàng, khoản vay theo Hợp đồng này cho Bên thứ ba theo quy định của pháp luật và cho đơn vị được phép hoạt động trong lĩnh vực thông tin tín dụng.
3. Bên cho vay được định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và các vấn đề khác có liên quan đến khoản vay.
4. Mọi sửa đổi bổ sung điều khoản nào của hợp đồng đều phải được hai bên chấp thuận và được thể hiện ở phụ lục điều chỉnh hợp đồng. Phụ lục của hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng.
5. Phạt vi phạm: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, bất kỳ bên nào vi phạm Hợp đồng này đều phải chịu phạt vi phạm, với mức phạt là: 0% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng này bị vi phạm.
6. Bồi thường thiệt hại cho Bên cho vay: Bên vay phải bồi thường các thiệt hại và tổn thất thực tế phát sinh (nếu có) cho Bên cho vay trong trường hợp Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình quy định tại Hợp đồng này và có lỗi dẫn đến gây thiệt hại và tổn thất cho Bên cho vay.
7. Bồi thường thiệt hại cho Bên vay: Bên cho vay phải bồi thường các thiệt hại và tổn thất thực tế phát sinh (nếu có) cho Bên vay trong trường hợp Bên cho vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình quy định tại Hợp đồng này và có lỗi dẫn đến gây thiệt hại và tổn thất cho Bên vay.
8. Bên vay chịu các khoản chi phí tố tụng và các loại phí khác liên quan đến khoản vay theo quy định của Bên cho vay và quy định của pháp luật.
9. Hai bên có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức này.
10. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí có liên quan khác cho Bên cho vay (Khách hàng giữ 1 bản, Bên cho vay giữ 01 bản). Hợp đồng này được tự động thanh lý khi Bên vay trả hết nợ cho Bên cho vay.
11. Những vấn đề chưa được nêu trong Hợp đồng này, sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.
12. Bảng việc ký, ghi rõ họ tên vào phần cuối tại Hợp đồng tín dụng này, Khách hàng, Người đồng vay vốn/Người bảo lãnh xác nhận đã đọc, hiểu rõ, chấp nhận và chịu trách nhiệm pháp lý về các điều kiện thỏa thuận với TYM quy định tại Hợp đồng tín dụng và các văn bản kèm theo Hợp đồng tín dụng: Đề nghị cấp hạn mức tín dụng/đề nghị giải ngân/phương án sử dụng vốn lần thứ nhất/đề xuất/phê duyệt giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và/hoặc Đề nghị giải ngân/phương án sử dụng vốn/đề xuất/phê duyệt giải ngân kiêm khế ước nhận nợ thuộc hợp đồng tín dụng này.

Khách hàng vay vốn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Người đồng vay vốn

/ **Người bảo lãnh**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Cán bộ kỹ thuật

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Trưởng phòng giao dịch

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Giám đốc chi nhánh

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)